

MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG VÀ MA TRẬN
ĐỀ KTĐK CUỐI NĂM HỌC 2016-2017 - MÔN TOÁN - LỚP 4

1. Mục đích đánh giá:

Đánh giá kết quả học tập môn Toán lớp 4 vào thời điểm cuối năm học, chương trình 175 tiết/ năm.

2. Nội dung đánh giá:

- Đọc viết phân số, so sánh phân số.
- Các phép tính về phân số.
- Giải các bài toán liên quan đến: Tìm hai số khi biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của chúng; tìm phân số của một số.

- Biết đổi đơn vị đo diện tích, khối lượng.
- Tính được diện tích hình thoi, hình chữ nhật.

3. Phân phối tỉ lệ số câu, số điểm và các mức, hình thức câu hỏi :

+ Đề gồm 4 mức: mức 1: 30 %; mức 2: 30%, mức 3: 30%; mức 4: 10%.

+ Số câu: 10 câu; Số điểm: 10 điểm.

+ Hình thức: Trắc nghiệm: 40%; Tự luận: 60%.

4. Thời lượng bài kiểm tra: 40 phút.

5. Ma trận nội dung đề kiểm tra môn Toán lớp 4 cuối năm học.

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL
Số học: Biết đọc, viết, so sánh số tự nhiên, phân số; các phép tính về phân số; một số dạng toán liên quan đến tỉ số.	Số câu	02	02	01			01		01	04	03
	Số điểm	01	02	01			02		01	03	04
Đại lượng và đo đại lượng: Biết tên gọi, kí hiệu và các mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng; viết và chuyển đổi được các đơn vị đo đại lượng.	Số câu			02						02	
	Số điểm			02						02	

Yếu tố hình học: Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, giải được các bài toán liên quan đến diện tích.	Số câu					01				01	
	Số điểm					01				01	
Tổng	Số câu	02	02	03		01	01	0	01	07	03
	Số điểm	01	02	03		01	02	0	01	06	04

6. Ma trận câu hỏi đề kiểm tra:

TT	Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
1	Số học	Số câu	04	01	01	01	07
		Câu số	1, 2,3,8	6	9	10	
2	Đại lượng và đo đại lượng	Số câu		02			02
		Câu số		4, 5			
3	Yếu tố hình học	Số câu			01		01
		Câu số			7		
Tổng số câu			04	03	02	02	10

7. Đề kiểm tra minh họa, kèm theo đáp án – biểu chấm :

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI NĂM Năm học: 2016-2017 MÔN: TOÁN: LỚP 4 (Thời gian làm bài: 40 phút)	Họ và tên:	
	Lớp: 4..... Trường Tiểu học Quế Phong	
	Điểm số:	Nhận xét:
	Bảng chữ:

Câu 1: (1 điểm) (M1). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Số: Mười hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm được viết là:

- A. 12 865 400 B. 12 685 400 C. 12 568 400 D. 12 865 040

Câu 2: (0,5 điểm) (M1). Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng.

Giá trị của chữ số 5 trong số 45 860 là bao nhiêu ?

Trả lời: Giá trị của chữ số 5 là.....

Câu 3: (0,5 điểm)(M1). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các phân số sau đây phân số lớn hơn 1 là:

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{3}{4}$ C. $\frac{5}{4}$ D. $\frac{6}{7}$

Câu 4: (1 điểm)(M2). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

$$9900\text{cm}^2 = \dots\text{dm}^2$$

- A. 9 B. 99 C. 990 D. 9900

Câu 5: (1 điểm)(M2). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

$$\frac{2}{3} \text{ ngày} = \dots\text{giờ}$$

- A. 6 B. 8 C. 12 D. 16

Câu 6: (1 điểm) (M2). Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng.

Trung bình cộng của hai số bằng 30. Biết một trong hai số đó bằng 20, tìm số kia.

Trả lời: Số cần tìm là.....

Câu 7: (1 điểm) (M3). Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng.

Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 40cm, trong đó độ dài đường chéo lớn gấp 3 lần độ dài đường chéo bé. Tính diện tích hình thoi đó.

Trả lời: Diện tích hình thoi là.....

Câu 8: (1 điểm)(M1). Tính:

a. $\frac{2}{3} + \frac{5}{3} = \dots\dots\dots$ b. $\frac{4}{5} - \frac{1}{3} = \dots\dots\dots$

c. $\frac{4}{5} \times \frac{6}{7} = \dots\dots\dots$ c. $\frac{5}{7} : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

Câu 9: (2 điểm) (M3). Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

a. Tính diện tích của thửa ruộng đó.

b. Trên thửa ruộng đó người ta cấy lúa, cứ $1m^2$ thu hoạch được $\frac{1}{2}$ kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

.....
.....
.....

Câu 10: (1 điểm)(M4). Tìm x:

$$x \times 45 + 54 \times x + x = 1200$$

.....
.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI NĂM
MÔN TOÁN: LỚP 4

Câu 1: (1 điểm) Số: Mười hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm được viết là:
A. 12 865 400

Câu 2: (0,5 điểm) Giá trị của chữ số 5 trong số 45 860 là: 5000

Câu 3: (0,5 điểm) Trong các phân số sau đây phân số lớn hơn 1 là:
C. $\frac{5}{4}$

Câu 4: (1 điểm) $9900\text{cm}^2 = \dots\text{dm}^2$
B. 99

Câu 5: (1 điểm) $\frac{2}{3}$ ngày =giờ
D. 16

Câu 6: (1 điểm) Số cần tìm là 40

Câu 7: (1 điểm) Diện tích hình thoi là: 150cm^2

Câu 8: (1 điểm) Tính: (đúng mỗi bài cho 0,25 điểm)

a. $\frac{2}{3} + \frac{5}{3} = \frac{2+5}{3} = \frac{7}{3}$

b. $\frac{4}{5} - \frac{1}{3} = \frac{12}{15} - \frac{5}{15} = \frac{12-5}{15} = \frac{7}{15}$

c. $\frac{4}{5} \times \frac{6}{7} = \frac{4 \times 6}{5 \times 7} = \frac{24}{35}$

d. $\frac{5}{7} : \frac{2}{3} = \frac{5}{7} \times \frac{3}{2} = \frac{15}{14}$

Câu 9: (2 điểm) Bài giải

Chiều rộng thửa ruộng là: $120 \times \frac{2}{3} = 80$ (m) } (0,25 điểm)

Diện tích thửa ruộng là: $120 \times 80 = 9600$ (m²) } (0,5 điểm)

Thửa ruộng thu hoạch được số thóc là: $9600 \times \frac{1}{2} = 4800$ (kg) (0,5 điểm)

Đổi: $4800\text{kg} = 48$ tạ (0,25 điểm)

Đáp số: a. 9600m^2

b. 48 tạ (0,5 điểm)

Câu 10: (1 điểm) Tìm x:

$$x \times 45 + 54 \times x + x = 1200$$

$$x \times (45 + 54 + 1) = 1200$$

$$x \times 100 = 1200$$

$$x = 1200 : 100$$

$$x = 12$$